

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống chậm trong 5 ngày tới; mực nước thấp nhất ngày tiếp tục lên trong 5 ngày tới .

- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực lên chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 09/7 đến 13/7/2024

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) |                     |             | Mực nước dự báo (m) |       |       |      |      |
|-----|------------|---------------------|------------------|-------|--------|-----------|----------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------|-------|------|------|
|     |            |                     | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |           | 08/7                 | So với cùng kỳ 2023 | So với TBNN | 09/7                | 10/7  | 11/7  | 12/7 | 13/7 |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max       | 1.56                 | 1.56                | -0.11       | 1.55                | 1.53  | 1.49  | 1.45 | 1.43 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.30                 | 0.30                | -0.76       | 0.34                | 0.36  | 0.40  | 0.46 | 0.54 |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chưởng          | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max       | 1.52                 | 1.52                | 0.23        | 1.51                | 1.49  | 1.45  | 1.41 | 1.39 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.03                | -0.03               | -0.34       | 0.04                | 0.06  | 0.10  | 0.16 | 0.24 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max       | 1.76                 | 1.76                | -0.08       | 1.80                | 1.82  | 1.83  | 1.81 | 1.79 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 1.05                 | 1.05                | -0.45       | 1.13                | 1.15  | 1.19  | 1.25 | 1.33 |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 1.78                 | 1.78                | 0.30        | 1.77                | 1.75  | 1.71  | 1.67 | 1.65 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.29                 | 0.29                | -0.45       | 0.36                | 0.38  | 0.42  | 0.48 | 0.56 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max       | 1.65                 | 1.65                | 0.36        | 1.64                | 1.62  | 1.58  | 1.54 | 1.52 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.13                | -0.13               | -0.11       | -0.08               | -0.06 | -0.02 | 0.04 | 0.12 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max       | 1.57                 | 1.57                | 0.20        | 1.56                | 1.54  | 1.50  | 1.46 | 1.44 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.04                 | 0.04                | -0.42       | 0.09                | 0.11  | 0.15  | 0.21 | 0.29 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 0.58                 | 0.58                | -0.15       | 0.59                | 0.62  | 0.67  | 0.74 | 0.81 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.30                 | 0.30                | -0.29       | 0.34                | 0.37  | 0.42  | 0.49 | 0.56 |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.43                 | 0.43                | 0.05        | 0.44                | 0.47  | 0.52  | 0.59 | 0.66 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.37                 | 0.37                | 0.05        | 0.34                | 0.37  | 0.42  | 0.49 | 0.56 |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.67                 | 0.67                | 0.00        | 0.68                | 0.71  | 0.76  | 0.83 | 0.90 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.35                 | 0.35                | -0.17       | 0.43                | 0.46  | 0.51  | 0.58 | 0.65 |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.75                 | 0.75                | 0.26        | 0.76                | 0.79  | 0.84  | 0.91 | 0.98 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.54                 | 0.54                | 0.14        | 0.61                | 0.64  | 0.69  | 0.76 | 0.83 |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max       | 0.46                 | 0.46                | 0.06        | 0.47                | 0.50  | 0.55  | 0.62 | 0.69 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.36                 | 0.36                | 0.03        | 0.37                | 0.40  | 0.45  | 0.52 | 0.59 |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.90                 | 0.90                | 0.24        | 0.91                | 0.94  | 0.99  | 1.06 | 1.13 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.66                 | 0.66                | 0.14        | 0.71                | 0.74  | 0.79  | 0.86 | 0.93 |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Nặng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max       | 1.19                 | 1.19                | 0.23        | 1.20                | 1.23  | 1.28  | 1.35 | 1.42 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.65                 | 0.65                | -0.05       | 0.75                | 0.78  | 0.83  | 0.90 | 0.97 |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.85                 | 0.85                | 0.11        | 0.86                | 0.89  | 0.94  | 1.01 | 1.08 |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.55                 | 0.55                | -0.04       | 0.61                | 0.64  | 0.69  | 0.76 | 0.83 |

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 09/7/2024  
Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt  
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan